

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 4 - 2025

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Thắng và bà Nguyễn Thị Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu C, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 03/6/2016, trước khi kết hôn do hai gia đình giới thiệu, nhưng chị và Anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ chị ở T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc). Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng nhận thức chậm, không biết tính toán làm ăn, đi làm thuê lương thấp nên mọi chi phí

sinh hoạt do bố mẹ chị chi phí cho hai vợ chồng. Ngoài ra, tính cách anh H thất thường nên anh chị không hòa hợp. Tháng 11 năm 2021 anh H về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, hộ khẩu của anh H vẫn ở xã T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2017 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/9/2018, hiện nay cháu H ở với anh H, cháu H ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị để anh H nuôi dưỡng cháu H, chị nuôi cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản nợ, khoản có, công sức, đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai anh H trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 03/6/2016, trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ chị H ở T, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp. Năm 2021 anh về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ làm ăn và sinh sống. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2017 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/9/2018, hiện nay cháu H ở với anh, còn cháu H ở với chị H. Khi ly hôn, anh đề nghị để anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu . Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản nợ, khoản có, công sức, đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật tố dân sự của nguyên đơn, bị đơn: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý vụ án đúng thời hạn, việc thông báo thụ lý, thẩm quyền thụ lý, xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 195 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ đảm bảo đúng và đủ theo quy định tại các Điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự; Các đương sự cũng đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn H và anh Nguyễn Văn H được ly hôn. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2017 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/9/2018 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ, nhưng nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận bằng văn bản đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án. Nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt nên bị đơn đều vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên theo quy định tại Điều 207 Bộ luật dân sự đây là vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện D nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống qua thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã T và lời trình bày của chị H và anh H đều xác định anh chị có mâu thuẫn vì trong cuộc sống anh chị không hòa hợp. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn, anh H đồng ý. Thấy rằng, anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay trong thời gian sống ly thân các đương sự đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù hai bên đương sự đều đồng ý ly hôn nhưng đây là vụ án không tiến hành hòa giải được nên cần xử cho chị H và anh H được ly hôn là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2017 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/9/2018, hiện nay cháu H đang ở với anh H, cháu H đang ở với chị H. Khi ly hôn cả hai bên đều đề nghị giao cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị H tiếp tục nuôi cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đề nghị của các đương sự về giao nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi là cháu Nguyễn Thị Thu H và phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản nợ, khoản có, công sức, đất nông nghiệp: Do chị H và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 08/5/2017 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/9/2018 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản nợ, khoản có, công sức, đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007403 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt

tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi đương sự vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam

Dương;

- Các đương sự.
- UBND xã Hội Thịnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Bích Ngọc